TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1053/2024/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2024
Về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phi Trung

2. Bà Võ Thị Thanh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2024/QĐXXST-DS ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: đường N, Phường V, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản C (Công ty C)

Địa chỉ trụ sở: đường K, Phường V, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty C: Ông Lê Ngọc T

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty C: Ông Thân Lê N, sinh năm 1978

(Theo các Giấy ủy quyền 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Giấy ủy quyền số 775/2023/GUQ-TGĐ ngày 13/9/2023 và Giấy ủy quyền số 5507/2023/UQ-TGĐ ngày 29/12/2023 của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản C).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1984
Địa chỉ: đường M, Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông N có mặt, bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là ông Thân Lê N trình bày như sau:

Ngày 28/10/2018, bà Nguyễn Thị B ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.567.598.862 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà B đã thanh toán cho Ngân hàng 1.548.516.987 đồng (thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S). Tuy nhiên, đến ngày 22/12/2022, bà Nguyễn Thị B thanh toán không đầy đủ và không đúng hạn cho Ngân hàng.

Do bà Nguyễn Thị B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ngày 23/12/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 25/12/2023, bà Nguyễn Thị B còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 110.396.866 đồng, lãi quá hạn 56.185.872 đồng, tổng cộng là 166.582.738 đồng.

Đến ngày 07/3/2024, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc bà Nguyễn Thị B thanh toán cho nguyên đơn tổng số nợ tạm tính đến hết ngày 25/12/2023 gồm nợ gốc là 110.396.866 đồng và lãi quá hạn là 56.185.872 đồng, tổng cộng là 166.582.738 đồng; lãi phát sinh sau ngày 26/12/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Thân Lê N yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2024 là 206.584.636 (trong đó: Nợ gốc là 110.396.866 đồng, lãi quá hạn 96.187.770 đồng), trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, bà Nguyễn Thị B còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2024 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/10/2018 đã ký kết giữa các bên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/10/2018 đã ký kết giữa các bên. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn có nơi cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến Tòa án làm việc, Thông báo tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Mặc dù đã được Tòa án

triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị B vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ quy định tại Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/10/2018 đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị B và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, các chứng từ theo dõi nợ do Ngân hàng nộp cho Tòa án và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 28/10/2018, bà Nguyễn Thị B ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.567.598.862 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà B đã thanh toán cho Ngân hàng 1.548.516.987 đồng (thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S). Do bà Nguyễn Thị B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ngày 23/12/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 4.15%/tháng (150% lãi suất trong hạn 2.77%/tháng). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2024, bà Nguyễn Thị B còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc là 110.396.866 đồng, lãi quá hạn 96.187.770 đồng, tổng cộng là 206.584.636 đồng.

[3.2] Xét thấy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/10/2018 đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị B và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành giữa các bên. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị B đã không trả nợ gốc và tiền lãi đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/12/2018 và Điều 23 của

Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (có hiệu lực từ ngày 15/8/2016).

[3.3] Mặt khác, trong vụ án này nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ thẻ tín dụng nêu trên (mục đích vay tiêu dùng cá nhân), không yêu cầu ai cùng với bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự.

[3.4] Từ nhận định nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được chấp thuận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 4.165.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032265 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền là 10.329.232 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí Tòa án năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền là 206.584.636 đồng (Hai trăm linh sáu triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng), trong đó bao gồm các khoản sau:

Số tiền gốc: 110.396.866 đồng (Một trăm mười triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng)

Tiền lãi quá hạn: 96.187.770 đồng (Chín mươi sáu triệu một trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/10/2018 đã ký kết giữa các bên.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.329.232 đồng (Mười triệu ba trăm hai mươi chín nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

2.2. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.165.000 đồng (Bốn triệu một trăm sáu mươi năm nghìn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032265 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CCTHADS quận Phú Nhuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Lê Ninh